TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2026 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1988; căn cước công dân số: 042188016958, cấp ngày: 28/6/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH. Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1987; căn cước công dân số: 038087024229, cấp ngày: 13/4/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH. Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Hà Tĩnh,

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T thống nhất, thỏa thuận vợ chồng có 02 người con chung, tên là Lê Thị Thùy T1, sinh ngày 02/6/2008 và Lê Quốc Q, sinh ngày 10/11/2010. Sau khi ly hôn chị V được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Thùy T1 và cháu Lê Quốc Q đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng con chung cho chị V.

Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

2.2. Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Án phí: Chị Nguyễn Thị V tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 000013817230, ngày 17/3/2026 tại phòng thi hành án khu vực 4 - Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Nguyễn Thị V số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 4 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND x. Hoàng Hóa;
- Lưu hồ sơ, VP

THẨM PHÁN

Trần Quốc Khánh